

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số:45/2021/HS-ST
Ngày 05-8-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Bà Lê Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1984 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không được đi học; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và bà Thường Thị L; có vợ là Hoàng Thị H (chưa đăng ký kết hôn) và có 02 con; con lớn 05 tuổi, con nhỏ 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 06/02/2021, tạm giam từ ngày 09/02/2021 đến nay; có mặt.

2. Vi Thị T, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1979 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn K và bà Hoàng Thị O; có chồng là Nông Văn H và có 04 con (trong đó có 01 con riêng của chồng, 03 con chung), lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, tạm giam từ ngày 10/02/2021 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị T:* Bà Lương Thị Hương L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2018, Vi Thị T đi bốc vác hàng hóa tại các mốc biên giới 1226, 1227 gần Cửa khẩu C thuộc địa phận thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và quen biết với Vi Thị Y, sinh năm 1987, trú tại: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cả hai cho nhau số điện thoại thỉnh thoảng có liên lạc với nhau. Tháng 11/2020 Nông Văn T cũng đi bốc hàng tại đây và quen biết Vi Thị T sau đó hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Sáng ngày 05/02/2021, Vi Thị Y gọi điện thoại cho Vi Thị T đặt vấn đề đưa 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 4.000.000 đồng/người, Vi Thị T trả lời không trực tiếp đưa đi được, Vi Thị Y bảo Vi Thị T tìm người đón hộ thì Vi Thị T đồng ý. Sau đó Vi Thị T gọi điện cho Nông Văn T đặt vấn đề đưa 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 4.000.000 đồng/người, nếu trót lọt thì số tiền này chia đều nhau, Nông Văn T đồng ý. Sau đó Vi Thị T thông báo lại và nhắn số điện thoại của Nông Văn T (0398.575.069) cho Vi Thị Y để hai người tự liên hệ với nhau.

Khoảng 04 giờ, ngày 06/02/2021, Vi Thị T gọi điện cho Nông Văn T thông báo 05 khách Trung Quốc đã đến Lạng Sơn, hiện đang có mặt tại chân cột thu phát sóng gần suối L, xã Y, huyện L và bảo Nông Văn T ra đón và đưa khách xuất cảnh trái phép. Nhận được điện thoại, Nông Văn T đi xe máy biển kiểm soát 12F5-5654 từ nhà ra đến nơi thấy 05 người Trung Quốc đang đứng đợi, Nông Văn T ra hiệu và dẫn họ đi theo đến bờ suối L để lên mốc 1217. Lúc này Vi Thị T điện thoại cho Nông Văn T hỏi tình hình thì được thông báo là đã đón được 05 người Trung Quốc, sau đó Vi Thị T bảo Nông Văn T đi mua đồ ăn và nước uống cho khách. Nông Văn T bảo họ nấp tại đây và đi xe máy quay về nhà gặp Vi Thị T, do không có tiền nên Vi Thị T đưa cho Nông Văn T 200.000 đồng đi mua đồ ăn, nước uống mang cho 05 người Trung Quốc. Ăn uống xong, Nông Văn T tiếp tục dẫn 05 người Trung Quốc đi bộ theo đường mòn lên rừng thông thuộc thôn L, xã M, huyện L hướng lên mốc 1217. Do địa hình phức tạp, khó đi nên 02 người Trung Quốc là Nhan Tứ H và Trần Vỹ H thuê Nông Văn T vác ba lô hộ và được trả công là 200 NDT. Đến 10 giờ, cùng ngày Nông Văn T gọi điện cho Vi Thị T báo lên đồi thông nơi Nông Văn T và 05 người Trung Quốc đang nấp để cùng đi đưa khách xuất cảnh trái phép. Lúc này Vi Thị T đang hái củi gần đó, sau khi nghe điện thoại của Nông Văn T được khoảng 20 phút thì Vi Thị T có mặt rồi ở lại trông người còn Nông Văn T đi kiểm tra thấy không có lực lượng biên phòng đi tuần tra nên Nông Văn T quay lại thì không thấy Vi Thị T đâu. Nông Văn T bảo 05 người Trung Quốc nấp chờ ở đây đến tối mới đi tiếp được. Sau đó Nông Văn T đi bộ về nhà Vi Thị T ăn cơm. Đến 17 giờ 00 phút, ngày 06/02/2021, Nông Văn T nhận được cuộc gọi của Vi Thị Y từ số

0985.349.031 hỏi đã đưa được 05 khách Trung Quốc lên đến mốc 1217 chưa, lên đến nơi sẽ có người đón khách. Nông Văn T cho biết đang trên đường đưa khách lên mốc 1217. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nông Văn T đang đưa 05 người Trung Quốc đến gần mốc 1217 thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ.

Bản Cáo trạng số: 77/CT-VKS-P2 ngày 23-6-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nông Văn T, Vi Thị T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, xác định 03 chiếc điện thoại Nokia đang bị thu giữ có liên quan đến hành vi phạm tội và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo Vi Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn T; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Thị T; xử phạt bị cáo Nông Văn T và Vi Thị T mỗi bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu sung ngân sách nhà nước 200 Nhân dân tệ; tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu giữ của các bị cáo. Các Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bản luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Vi Thị T: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa còn hạn chế, không nhận thức được hết mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; bị cáo chưa được hưởng lợi ích, phạm tội chỉ vì mục đích kiếm tiền sinh sống; số lượng người bị cáo tham gia tổ chức xuất cảnh trái phép vừa đủ để định khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án đầu khung hình phạt, để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Hồi 20 giờ 30 phút, ngày 06/02/2021 tại khu vực đường mòn mốc biên giới 1217, thuộc địa phận thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vì vụ lợi nên Nông Văn T, Vi Thị T đã tổ chức cho 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc để lấy tiền công là 4.000.000 đồng/người nhưng chưa nhận được tiền công thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt quả tang. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nông Văn T, Vi Thị T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới; đặc biệt là trong giai đoạn đại dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên phải chịu hình phạt về hành vi của bản thân. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng theo pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Đối tượng Vi Thị Y là người chủ mưu, đặt vấn đề đưa người xuất cảnh trái phép và sẽ trả tiền công cho các bị cáo. Bị cáo Vi Thị T trực tiếp liên lạc, bàn bạc với Vi Thị Y về việc tìm người đưa 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ huyện L lên mốc biên giới; chủ động liên lạc, rủ rê bị cáo Nông Văn T tham gia và thỏa thuận tiền công với bị cáo Nông Văn T; thông báo cho bị cáo Nông Văn T thời gian, địa điểm đón 05 người Trung Quốc; chỉ đạo và đưa cho

bị cáo Nông Văn T 200.000 đồng đi mua đồ ăn cho 05 người Trung Quốc; giúp bị cáo Nông Văn T trông 05 người Trung Quốc để bị cáo Nông Văn T đi kiểm tra lực lượng Biên phòng.

[6] Bị cáo Nông Văn T sau khi tiếp nhận ý trí của bị cáo Vi Thị T đã trực tiếp đến đón 05 người Trung Quốc tại gần suối L, dẫn đường đưa 05 người Trung Quốc đi bộ theo đường mòn lên mốc biên giới 1217, nhận tiền từ bị cáo Vi Thị T đi mua đồ ăn cho 05 người Trung Quốc, đi kiểm tra đường biên và lực lượng Biên phòng; giúp vác ba lô hành lý của 02 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép đưa sang Trung Quốc để nhận tiền công.

[7] Các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo Nông Văn T không được đi học, bị cáo Vi Thị T có trình độ văn hóa thấp, do đó các bị cáo hiểu biết, nhận thức pháp luật phần nào còn hạn chế.

[8] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Vi Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện trợ giúp pháp lý nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Từ những phân tích trên, cần xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng, ngừa tội phạm; đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương trong giai đoạn phòng chống dịch bệnh Covid-19 hiện nay. Bị cáo Nông Văn T có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51; bị cáo Vi Thị T có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51. Bị cáo Vi Thị T cùng người phụ nữ tên Vi Thị Y có vai trò cùng là người chủ mưu, rủ rê bị cáo Nông Văn T; bị cáo Nông Văn T là người thực hành tích cực, xét tính chất, vai trò trong vụ án thì bị cáo Vi Thị T phải chịu mức án cao hơn đối với bị cáo Nông Văn T.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo thấy các bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Các biện pháp tư pháp: Trong vụ án này các bị cáo chưa được hưởng lợi nên không thực hiện truy thu đối với các bị cáo.

[13] Đối với người phụ nữ tên Vi Thị Y, là người đã thuê Vi Thị T dẫn 05 khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã nhiều lần xác minh tại thôn C, xã Y, huyện L có người tên Vi Thị Y, sinh ngày 28/10/1987, tiến hành cho bị cáo Vi

Thị T nhận dạng qua ảnh; nhưng hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không ai biết. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đang tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu liên quan, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý đối tượng theo quy định.

[14] Đối với số điện thoại 0985.349.031 do Vi Thị Y sử dụng, Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel cung cấp: tên chủ thuê bao: Phạm Trung T, sinh ngày 05/7/1977, địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ủy thác điều tra cho Cơ quan An ninh tỉnh Thái Nguyên triệu tập và xác minh đối với Phạm Trung T. Kết quả: Từ trước đến nay, Phạm Trung T không sử dụng số điện thoại 0985.349.031, không cho ai mượn Chứng minh thư nhân dân, không đứng tên cho ai đăng ký sử dụng số điện thoại trên, Phạm Trung T không quen biết người phụ nữ nào tên Vi Thị Y, Vi Thị T, Nông Văn T. Do đó không đủ căn cứ xác định Phạm Trung T liên quan đến vụ án.

[15] Đối với đối tượng và phương tiện đưa 05 người Trung Quốc đến khu vực cột thu phát sóng thuộc thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép, 05 đối tượng người Trung Quốc đều khai nhận: Do có nhu cầu về quê ăn tết nên đã liên lạc với người đưa nhập cảnh trước đó bố trí xe ô tô đưa đón từ Hà Nội, Bắc Ninh lên Lạng Sơn rồi đưa vào khu vực trạm phát sóng để Nông Văn T đón, đưa xuất cảnh trái phép. Do không có thông tin về đối tượng và phương tiện nên Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh, triệu tập ghi lời khai làm rõ được.

[16] Đối với 05 công dân người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, ngày 10/02/2021 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn và Đoàn Biên phòng cửa khẩu C đã trao trả 05 công dân trên cho phía Trung Quốc.

[17] Chiếc xe máy hiệu Drum, BKS 12F5-5654 mà Nông Văn T sử dụng để đi từ nhà ra khu vực chân cột thu phát sóng gần suối L, xã Y, huyện L để đón người xuất cảnh trái phép. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy cũ trên là do vợ của Nông Văn T mua lại của Ngô Văn V, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã H, huyện L với giá 2.000.000 đồng để đi lại. Ngày 06/02/2021, Nông Văn T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại, không trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không tiến hành tạm giữ đối với chiếc xe nói trên, Hội đồng xét xử không có kiến nghị gì.

[18] Về vật chứng: Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia kèm sim thu giữ của bị cáo Nông Văn T và 02 chiếc điện thoại Nokia kèm sim số 0354.837.941 và sim số 0359.001.334 thu giữ của bị cáo Vi Thị T. Do các bị cáo sử dụng liên lạc vào hành vi phạm tội. Số tiền 200 Nhân dân tệ thu giữ của bị cáo Nông Văn T là tiền công bị cáo được hưởng lợi do vác ba lô hộ 02 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép; đây là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[19] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[20] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Thị T.

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Vi Thị T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Vi Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) phong bì được niêm phong, dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ bằng mực in màu xanh dương: "ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU C", có 02 (hai) dấu đỏ hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký của giám định viên. Mặt sau có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và 03 (ba) dấu đỏ hình tròn của Đồn Biên phòng cửa khẩu C - Bộ C.H.B.Đ.B.P tỉnh Lạng Sơn (bên trong phong bì là 02 tờ tiền Trung Quốc mệnh giá 100NDT (Nhân dân tệ)/tờ, tổng cộng: 200NDT (hai trăm nhân dân tệ).

3.2. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353148111936001, số IMEI 2: 353148111936006, bên trong có một sim Viettel của Nông Văn T.

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, cũ, đã qua sử

dụng, số IMEI: 357698100598853, bên trong có một sim Viettel.

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356940113446345, số IMEI 2: 356940118446340, bên trong có một sim Viettel. (02 điện thoại của Vi Thị T)

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29 tháng 6 năm 2021).

4. Về án phí: Các bị cáo Nông Văn T, Vi Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ